TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án: 30/2023/DS-PT
Ngày: 28/4/2023
"*V/v tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử *Phúc* ***thẩm gồm có*****:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Đức Thanh**

Các Thẩm phán: ông **Tạ Duy Ước**

ông **Bùi Đức Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hoa Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: ông **Lê Khắc Sơn** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử Phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về "*Tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST, ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐ-PT ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1973 - Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN. Địa chỉ: Tổ 5, khu T1, phường HB, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 14, ĐTH, TH 8, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng, có mặt (Hợp đồng ủy quyền ngày 07/5/2021). Có mặt.

2. Bị đơn: Chủ Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA- ông Vũ Quang N. Địa chỉ: Số 84, Phố VL, phường HG, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mai H - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Tổ 4, khu 5b, phường BC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, có mặt. (vắng mặt khi tuyên án).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

- Ông Bùi Duy P, sinh năm 1991. Địa chỉ: TT NS, YV, GL, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bà Hoàng Thị P- Luật sư Công ty Luật VA, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Thôn ĐV, xã SD, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, có mặt. (vắng mặt khi tuyên án).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cục THADS tỉnh QN. Địa chỉ trụ sở: Khu Hà Khánh A, phường CX, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Khắc K- Chức vụ: Cục trưởng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức N - Chức vụ: Phó Cục trưởng (Giấy ủy quyền số 510/CTHADS-NV ngày 05/4/2021 của Cục trưởng). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ngân hàng TMCP NTVN. Địa chỉ trụ sở: Số 198, TQK, phường LTT, quận HK, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn V- Giám đốc Ngân hàng TMCP NTVN – Chi nhánh HL. Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn QH, sinh năm 1982 - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng thuộc VCB HL. Địa chỉ: Tổ 1, khu 5, phường Trần Hưng Đạo, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh và bà Nguyễn XL– chức vụ: Phó Giám đốc VCB chi nhánh HL (Văn bản ủy quyền số 89/UQ-HLO-KH ngày 06/3/2023 của Giám đốc VCB chi nhánh HL). Ông QHvắng mặt; bà XL có mặt (vắng mặt khi tuyên án).

3.3. Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 55, khu 4, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.4. Ông Tô Vĩnh D- Đấu giá viên Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA. Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 34, khu 3, phường CT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

3.5. Ông Đoàn Văn Rvà bà Đỗ Thị Xuân G(Đỗ Thị G). Cùng địa chỉ: Tổ 7, khu DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông D QH. Đại chỉ: Tổ 6, khu 6, phường Hồng Hà, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.2. Ông Tạ QH1. Địa chỉ: Tổ 5, khu 4, phường CX, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.3. Bà Hoàng TN. Địa chỉ: Tổ 52, khu 5, phường HK, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.4. Bà Nguyễn NA. Địa chỉ: Tổ 33, khu 4, phường HG, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.5. Bà Vũ HN. Địa chỉ: Tổ 11. Khu 1, phường CX, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.6. Bà Vũ Thị KP. Địa chỉ: Tổ 29, khu 3, phường CT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.7. Ông Đặng TT. Địa chỉ: Tổ 5, khu 3, phường HG, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.8. Ông Nguyễn KT. Địa chỉ: 43 HTK, phường BN, quận 1, thành phố HCM, vắng mặt.

4.9. Ông Bùi ĐT. Địa chỉ: Tổ 4, khu LHP, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.10. Ông VH. Địa chỉ: Tổ 1, khu 5, phường Hà Tu, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.11. Ông Đặng TH. Địa chỉ: Tổ 94, khu Đồn Điền, phường HK, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.12. Ông Tống ĐN. Địa chỉ: Tổ 2, khu 9A, phường BC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.13. Ông Trần TT1. Địa chỉ; Tổ 6, khu 10, phường HH, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4.14. Ông Phạm VT. Địa chỉ; Tổ 5, khu 5B, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người kháng cáo: người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mai H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn P và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/6/2019, ông Trần Văn P - Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN ký hợp đồng với Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA(Sau đây gọi là Doanh nghiệp VA) để bán đấu giá tài sản kê biên của ông Đoàn Văn R và bà Đỗ Thị Xuân G để đảm bảo thi hành án trả tiền cho Ngân hàng TMCP NTVN thay cho Công ty TNHH phát triển dịch vụ - Thương mại ĐB, theo quyết định của bản án số 05/2018/KDTM-PT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và bản án số 17/2017/KDTM-ST, ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HL. Tài sản thi hành gồm:

1. Tài sản 1: Quyền sử dụng 300m^2 đất và 01 ngôi nhà xây kiểu biệt thự 02 tầng cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại: Ô số 6, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AK522381 do UBND thị xã CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H141, mang tên bà Đỗ Thị Xuân G

2. Tài sản 2: Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7+ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G

Ngày 28/6/2019, Doanh nghiệp VA đã tổ chức bán đấu giá 02 tài sản trên. Kết quả cụ thể như sau:

- Tài sản 1: Người trả giá cao nhất là 4.033.219.000 đồng và đã trúng đấu giá

- Tài sản 2: Tại phiên đấu giá có tổng số 14 người tham gia đấu giá, có một người duy nhất trả giá là ông Vũ Xuân T và trả giá đúng bằng giá khởi điểm là 6.238.647.000 đồng

Đối với tài sản 1: Doanh nghiệp VA đã tổ chức bán đấu giá đảm bảo quy định của Luật đấu giá tài sản, sau đó người trúng đấu giá đã ký kết Hợp đồng mua

bán tài sản với Cục THADS tỉnh QN; không có đương sự nào có yêu cầu gì đối với kết qủa đấu giá tài sản này.

Đối với tài sản 2: Theo quy định tại Điều 49 của Luật đấu giá tài sản năm 2016 thì việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá chỉ được tiến hành sau khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành. Căn cứ quy định nêu trên, trong cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019, Doanh nghiệp Vat ổ chức đấu giá lần đầu, có 14 người tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người (ông Vũ Xuân T) trả giá bằng giá khởi điểm là người trúng đấu giá là không đúng quy định của Điều luật nêu trên. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kết quả đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 của Doanh nghiệp VAđối với tài sản là Quyền sử dụng ô đất ô số 7 và ô số 8 cùng nhà kho và toàn bộ tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Do cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đối với Quyền sử dụng ô đất số 7 và ô số 8 nêu trên được thực hiện không đúng quy định Luật đấu giá tài sản năm 2016 nên Chấp hành viên đã ban hành các văn bản đề nghị Doanh nghiệp VAtổ chức bán đấu giá lại theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Doanh nghiệp VA cho rằng mình đã tổ chức bán đấu giá tài sản đúng quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016, nên không tổ chức bán đấu giá lại theo đề nghị của Chấp hành viên.

Ngày 15/10/2019, Chấp hành viên đã ra thông báo số 762/TB-CTHADS về việc không chấp nhận kết quả đấu giá tài sản thi hành án nêu trên.

Để tiếp tục xử lý bán tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên, ngày 29/10/2019, Chấp hành viên đã có Giấy mời số 1657/GM-CTHADS về việc bàn hướng xử lý kết quả đấu giá tài sản. Tuy nhiên, Doanh nghiệp VAđã có công văn về việc không tham dự buổi họp bàn theo giấy mời. Ngày 04/11/2019, Chấp hành viên cũng đã có Giấy mời Doanh nghiệp VAvà ông Vũ Xuân T để thỏa thuận về việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản nhưng Doanh nghiệp VA và ông Vũ Xuân T đều vắng mặt.

Về việc ông đã ký nhận vào Biên bản đấu giá tài sản ngày 28/6/2019: Do cuộc đấu giá hôm đó đã tiến hành bán đấu giá cả 02 tài sản, nên đã lập chung vào một biên bản. Việc ông P ký vào Biên bản đấu giá là xác nhận vào trình tự, thủ tục của cuộc đấu giá tài sản.

Vì vậy, ông Trần Văn P khởi kiện với các yêu cầu:

(1) Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đối với tài sản là: Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7+ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị xã CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G (*sau đây gọi là ô số 7 và ô số 8*)

(2). Hủy một phần Hợp đồng đấu giá tài sản thi hành án ký ngày 04/6/2019 giữa Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN và Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VAliên quan đến tài sản ô số 7 và ô số 8.

(3).Yêu cầu Doanh nghiệp VA hoàn trả lại thù lao đấu giá tài sản đối với tài sản nêu trên cho Cục THADS tỉnh QN với số tiền là 27.489.110 đồng; tuyên Cục THADS tỉnh QN hoàn trả cho ông Vũ Xuân T số tiền đặt trước là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh gửi ngân hàng.

Tại Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/9/2022, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện ***(2)*** và ***(3)***, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện ***(1)***, là: Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất ô số 7 và ô số 8.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn bà Trần Thị Mai H có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quá trình ký kết Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 03/CTHADSQN-ĐGVA ngày 04/6/3019 giữa Cục THADS tỉnh QN và Doanh nghiệp VA; thời gian, địa điểm diễn ra cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019, bà Hương có quan điểm giống với ông Trần Văn P

Cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đã được tổ chức công khai, hợp pháp, đúng quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016 và có sự tham gia chứng kiến toàn bộ diễn biến và ký vào Biên bản đấu giá thành của ông Trần Văn P - Chấp hành viên. Sau đó ông P không ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, không bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá, tự mình ban hành nhiều văn bản áp dụng sai nội hàm các Điều 41, Điều 49 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 nhằm trì

hoãn thực hiện nghĩa vụ đã ký kết trong Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản. Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Về cuộc đấu giá ngày 28/6/2019 được tổ chức công khai, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Ông P không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 102 Luật thi hành án Dân sự. Ông P có văn bản đề nghị đấu giá lại tài sản là không có căn cứ. Công văn số 3235/TCTHADS-NV1 ngày 26/9/2019 của Tổng cục thi hành án dân sự không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên không có giá trị pháp lý áp dụng theo quan điểm của phía nguyên đơn. Việc ông P viện dẫn áp dụng công văn số 897/BTTP-ĐGTS ngày 24/9/2019 của Cục bổ trợ tư pháp là không thuộc trường hợp quy định tại Điều 49 của Luật đấu giá tài sản năm 2016. Việc Doanh nghiệp VA lập Biên bản đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 ghi nhận kết quả bán đấu giá đối với cả hai tài sản là đảm bảo; luật đấu giá tài sản không quy định bắt buộc phải lập biên bản đối với từng tài sản trong cuộc đấu giá. Ông Bùi Quốc T cho rằng trong cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019, tất cả 14 người tham gia đều phải trả giá, với mức thấp nhất bằng giá khởi điểm là không có căn cứ; luật đấu giá không quy định bắt buộc tất cả những người tham gia đấu giá phải trả giá. Cuộc đấu giá ngày 28/6/2019 là cuộc đấu giá lần đầu nên không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều 49 Luật đấu giá tài sản năm 2016 như phía nguyên đơn đưa ra. Cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 cũng không thuộc trường hợp đấu giá không thành theo quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản năm 2016, không thuộc trường hợp phải hủy kết quả đấu giá theo quy định tại Điều 72 Luật đấu giá tài sản năm 2016 nên kết qủa đấu giá tài sản ngày 28/6/2016 là đảm bảo, không có căn cứ để hủy bỏ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện hủy kết quả đấu giá là không có căn cứ, Doanh nghiệp VAkhông chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai, văn bản trình bày quan điểm, ông Hoàng Đức Nam là đại diện hợp pháp của *Cục THADS tỉnh QN* ***có quan điểm***: Nhất trí với các nội dung khởi kiện của ông Trần Văn P cũng như các ý kiến trình bày, quan điểm của ông P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân T có quan điểm: Ông là người trúng đấu giá đối với tài sản là quyền sử dụng đất ô số 7 và ô số 8 theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Ông Trần Văn P là Chấp hành viên đã ký đóng dấu vào Biên bản đấu giá. Tuy nhiên, sau đó ông P đưa ra

nhiều văn bản yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá. Nay ông P khởi kiện, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, yêu cầu ông P tiếp tục làm thủ tục mua bán tài sản đối với tài sản ông đã trúng đấu giá.

Đại diện Ngân hàng TMCP NTVN có quan điểm: Trong quá trình tham gia đấu giá, có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá, nhiều người tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá và bằng với mức giá khởi điểm là không đúng theo quy định tại Điều 49 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Đề nghị Tòa án xem xét có nội dung thể hiện đồng ý của người có tài sản đấu giá tại Biên bản đấu giá không. Ngân hàng TMCP NTVN đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Tô Vĩnh D, ông Đoàn Văn Rvà bà Đỗ Thị Xuân G đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Những người làm chứng gồm: Ông Đặng TH, ông Tạ QH có quan điểm: Các ông là những người mua hồ sơ tại Doanh Nghiệp VAđể đăng ký tham gia đấu giá tài sản, đã nộp tiền đặt trước theo thông báo của Doanh nghiệp VA. Tại phiên đấu giá các ông không trả giá. Sau đó các ông đã được nhận lại tiền đặt trước đầy đủ từ Doanh nghiệp VA.

Với nội dung trên, tại bản án số 34/2022/DS-ST ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 13 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 65; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 102 Luật thi hành án dân sự;

- Điểm d khoản 2 Điều 41; Điều 49 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

- Điểm b khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn P - Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN

2. Hủy kết quả đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA, đối với tài sản đấu giá là Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7+ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị xã CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G.

3. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu ***(1)*** Hủy một phần Hợp đồng đấu giá tài sản thi hành án ký ngày 04/6/2019 giữa Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN và Doanh nghiệp dấu giá tư nhân VAliên quan đến tài sản trên; ***(2)*** Yêu cầu Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VAhoàn trả lại thù lao đấu giá tài sản đối với tài sản nêu trên cho Cục THADS tỉnh QN với số tiền là 27.489.110 đồng; tuyên Cục THADS tỉnh QN hoàn trả cho ông Vũ Xuân T số tiền đặt trước là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh gửi Ngân hàng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/11/2022 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mai H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị hủy toàn bộ bản bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố HL để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đảm bảo khách quan, công bằng với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhận định, kết luận quyết định không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nội dung kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết sai yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện, Đơn bổ sung và Đơn rút yêu cầu khởi kiện không có nội dung nào liên quan đến tranh chấp về kết quả

đấu giá tài sản mà chỉ có yêu cầu hủy kết quả đấu giá tài sản nhưng cấp sơ thẩm thụ lý xác định là tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản. Vi phạm nghiêm trọng Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đúng quy định, liên quan đến việc giải quyết khiếu nại cụ thể, Tòa án cấp sơ thẩm ra các công văn yêu cầu cung cấp thông tin về nhân thân của bà Trần Thị Mai H và ông Bùi Duy P là không đúng với quy định gửi cho các cơ quan trong và ngoài tỉnh. Đây là hành vi trái pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã giải quyết khiếu nại nhưng tài liệu giải quyết khiếu nại vẫn lưu trong hồ sơ vụ án là không đúng. Hành vi này của Thẩm phán cấp sơ thẩm là vi phạm nghiệm trọng nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định thành phần tham gia tố tụng không đúng quy định, cụ thể: xác định ông Tỗ Vĩnh D, ông Đoàn Văn Rvà bà Đỗ Thị Xuân Gvà Ngân hàng TMCP NTVN với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng, đồng thời lúc xác định là người làm chứng, lúc thì xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra việc xác định người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cũng không đúng, không có tài liệu thể hiện về việc ủy quyền của Giám đốc chi nhánh ngân hàng VCB HL. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thời hạn tống đạt một số văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự.

- Tài liệu trong hồ sơ thể hiện có rất nhiều tài liệu chứng cứ phát sinh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cho các đương sự tiếp cận công khai chứng cứ, không có biên bản cuộc họp tiếp cận công khai các chứng cứ mới là vi phạm Điều 208, 211, mất quyền của đương sự theo quy định tại khoản 8 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại trang 7 của bản án sơ thẩm nhầm lẫn ông R bà G và ông D là bị đơn.

- Về xác định tư cách của bị đơn thì căn cứ vào khoản 3 Điều 185 Luật Doanh nghiệp thì phải xác định Chủ Doanh nghiệp tư nhân là bị đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không có bất cứ văn bản nào đề nghị yêu cầu nguyên đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện là không đúng với quy định pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm hỏi người làm chứng là ông Tạ Quang Hưng và ông Đặng Tuấn Hùng những nội dung không liên quan đến vụ án (bút lục 713, 718) với nội dung "ông có được Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VAhoặc ai khác trả cho một khoản tiền nào khi từ

bỏ việc đấu giá không?” là xúc phạm doanh nghiệp, vi phạm Điều 253 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không đúng, không đánh giá khách quan các tình tiết trong vụ án, việc trích dẫn pháp luật không đầy đủ, áp dụng và trích dẫn điều luật sai, không đúng, cụ thể:

+ Bản án sơ thẩm hủy kết quả đấu giá tài sản nhưng không căn cứ vào quy định tại Điều 72 của Luật đấu giá tài sản năm 2016 mà áp dụng điểm d khoản 2 Điều 41, Điều 49 Luật đấu giá tài sản là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, áp dụng khoản 13 Điều 26 là quan hệ pháp luật tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản trong khi nguyên đơn khởi kiện là yêu cầu hủy kết quả đấu giá tài sản, áp dụng khoản 4 Điều 65 quy định về xét xử vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn là không đúng trong khi đây là vụ án được thụ lý xét xử theo thủ tục thông thường và Điều 65 cũng không có khoản 4; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm thì khoản 4 Điều 147 quy định về nghĩa vụ chịu án phí trong vụ án ly hôn. Ngoài ra, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 102 Luật Thi hành án dân sự về quyền khởi kiện về yêu cầu giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản là không đúng.

- Bản án sơ thẩm quyết định hủy kết quả đấu giá tài sản nhưng không căn cứ vào pháp luật đấu giá để giải quyết, không chỉ ra được bất cứ căn cứ nào để hủy kết quả đấu giá theo quy định tại Điều 72 Luật đấu giá tài sản.

Với những vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm hủy toàn bộ bản bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố HL, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố HL để xét xử lại vụ án theo trình tự sơ thẩm, đảm bảo khách quan, công bằng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân T, người được ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP NTVN không có quan điểm tranh luận đối đáp. Giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm, không chấp nhận quan điểm của bị đơn. Đại diện Ngân hàng đồng ý với quan điểm của nguyên đơn. Ông Vũ Xuân T đồng ý với quan điểm kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm có quan điểm:

- Hội đồng xét xử Phúc thẩm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Riêng ông R, bà G và ông D chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: xét kháng cáo của bị đơn thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm d khoản 2 Điều 41, Điều 49 Luật đấu giá tài sản năm 2016 quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy kết quả đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VAlà có cơ sở, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm nhận định, kết luận, quyết định không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án là không đúng, không có căn cứ chấp nhận.

- Tuy nhiên bản án sơ thẩm còn có vi phạm, thiếu sót: Nguyên đơn có đơn xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút 02 nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự là áp dụng pháp luật chưa đầy đủ. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 65 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xét xử các vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn để làm căn cứ giải quyết vụ án là không chính xác, vụ án này được giải quyết theo thủ tục thông thường và một số sai sót khác như căn cứ kháng cáo của bị đơn đã trình bày. Do đó, thấy nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là có căn cứ chấp nhận nhưng những vi phạm này không nghiêm trọng và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên có thể sửa bản án sơ thẩm, khắc phục thiếu sót của cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Về đường lối giải quyết vụ án cần giữ nguyên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, không áp dụng khoản 4 Điều 65 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nằm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục Phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cục THADS tỉnh QN vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa Phúc thẩm xét xử vắng mặt. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Vĩnh D, ông Đoàn Văn Rvà bà Đỗ Thị Xuân G(Đỗ Thị G) và những người tham gia tố khác là những người làm chứng vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mai H với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị hủy toàn bộ bản bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố HL để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đảm bảo khách quan, công bằng với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhận định, kết luận quyết định không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh ra quyết định số 01/QĐ-CTHADS ngày 21/8/2018 phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành án. Theo đó, ông Trần Văn P - Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN được phân công tổ chức thi hành án đối với bản án số 05/2018/KDTM-PT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, bản án số 17/2017/KDTM-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 81/QĐ-CCTHADS ngày 17/8/2018 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long và Quyết định về việc rút hồ sơ thi hành án số 03/QĐ-CTHADS ngày 20/8/2018 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ quyết định của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, ngày 04/6/2019, ông Trần Văn P - Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN ký hợp đồng với Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA để bán đấu giá tài sản kê biên của ông Đoàn Văn R và bà Đỗ Thị Xuân G để đảm bảo thi hành án trả tiền cho Ngân hàng TMCP NTVN thay cho Công ty TNHH phát triển dịch vụ - Thương mại ĐB, theo quyết định của bản án số 05/2018/KDTM-PT ngày 30/5/2018 của

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và bản án số 17/2017/KDTM-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HL. Tài sản thi hành gồm:

1. Tài sản 1: Quyền sử dụng 300m^2 đất và 01 ngôi nhà xây kiểu biệt thự 02 tầng cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại: Ô số 6, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AK522381 do UBND thị xã CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H141, mang tên bà Đỗ Thị Xuân G.

2. Tài sản 2: Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7+ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G.

Ngày 28/6/2019, Doanh nghiệp VAđã tổ chức bán đấu giá 02 tài sản trên. Kết quả cụ thể như sau:

- Tài sản 1: Người trả giá cao nhất là 4.033.219.000 đồng và đã trúng đấu giá.

- Tài sản 2: Tại phiên đấu giá có tổng số 14 người tham gia đấu giá, có một người duy nhất trả giá là ông Vũ Xuân T và trả giá đúng bằng giá khởi điểm là 6.238.647.000 đồng.

Đối với tài sản 1: Doanh nghiệp VAđã tổ chức bán đấu giá đảm bảo quy định của Luật đấu giá tài sản, sau đó người trúng đấu giá đã ký kết Hợp đồng mua bán tài sản với Cục THADS tỉnh QN, không có đương sự nào có yêu cầu gì đối với kết qủa đấu giá tài sản này.

Đối với tài sản 2: nguyên đơn cho rằng, theo quy định tại Điều 49 của Luật đấu giá tài sản năm 2016 thì việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá chỉ được tiến hành sau khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành. Căn cứ quy định nêu trên, trong cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019, Doanh nghiệp VAtổ chức đấu giá lần đầu, có 14 người tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người (ông Vũ Xuân T) trả giá bằng giá khởi điểm là người trúng đấu giá là không đúng quy định của điều luật nêu trên. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kết quả đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 của Doanh nghiệp VAđối

với tài sản là Quyền sử dụng ô đất ô số 7 và ô số 8 cùng nhà kho và toàn bộ tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Do cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đối với Quyền sử dụng ô đất số 7 và ô số 8 nêu trên được thực hiện không đúng quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016 nên Chấp hành viên đã ban hành các văn bản đề nghị Doanh nghiệp VA tổ chức bán đấu giá lại theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Doanh nghiệp VA cho rằng mình đã tổ chức bán đấu giá tài sản đúng quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016, nên không tổ chức bán đấu giá lại theo đề nghị của Chấp hành viên.

Ngày 15/10/2019, Chấp hành viên đã ra thông báo số 762/TB-CTHADS về việc không chấp nhận kết quả đấu giá tài sản thi hành án nêu trên.

Để tiếp tục xử lý bán tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên, ngày 29/10/2019, Chấp hành viên đã có Giấy mời số 1657/GM-CTHADS về việc bàn hướng xử lý kết quả đấu giá tài sản. Tuy nhiên, Doanh nghiệp VAđã có công văn về việc không tham dự buổi họp bàn theo giấy mời. Ngày 04/11/2019, Chấp hành viên cũng đã có Giấy mời Doanh nghiệp VA và ông Vũ Xuân T để thỏa thuận về việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản nhưng Doanh nghiệp VA và ông Vũ Xuân T đều vắng mặt.

Do các bên không thống nhất được hướng xử lý kết quả đấu giá tài sản đối với tài sản Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7+ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G nên ông Trần Văn P - Chấp hành viên Cục THADS tỉnh Quảng Ninh, là người được phân công tổ chức thi hành án đã khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đối với tài sản trên.

Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản” theo quy định tại khoản 13 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật.

[3.2] Với nội dung tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản nêu trên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy kết quả đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA đối với tài sản đấu giá là Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7+ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị xã CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.2.1] Về xác định tài sản đấu giá: căn cứ quyết định của bản án số 05/2018/KDTM-PT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và bản án số 17/2017/KDTM-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, Cục THADS tỉnh QN cưỡng chế thi hành án là Quyền sử dụng đất ô số 7 và ô số 8 là tài sản của ông Đoàn Văn R và bà Đỗ Thị Xuân G để trả tiền cho Ngân hàng TMCP NTVN thay cho Công ty TNHH phát triển Dịch vụ - Thương mại ĐB. Căn cứ quy định điểm đ khoản 1 Điều 4 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, xác định tài sản trên là tài sản đấu giá.

[3.2.2] Về xác định người có tài sản đấu giá: Căn cứ khoản 5 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản 2016, Cục THADS tỉnh QN là người có quyền đưa tài sản ra đấu giá theo quy định của Luật thi hành án dân sự, nên được xác định là người có tài sản đấu giá.

[3.2.3] Ông Trần Văn P là Chấp hành viên được Cục trưởng Cục THADS tỉnh QN phân công tổ chức thi hành án theo Quyết định phân công số 01/QĐ-CTHADS ngày 21/8/2018 nên ông P tham gia tổ chức đấu giá là đảm bảo quy định của pháp luật.

[3.2.4] Doanh nghiệp VA được thành lập theo "Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản" số 01/TP-ĐKHĐ ngày 05/01/2018, do Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh cấp, là đảm bảo theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Ông Tô Vĩnh D là đấu giá viên của Doanh nghiệp VA, có chứng chỉ hành nghề đấu giá số 1407/TP/ĐG-CCHN do Bộ Tư pháp cấp, nên được quyền điều hành cuộc đấu giá ngày 28/6/2019 là đảm bảo quy định pháp luật.

[3.2.5] Xét Về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản:

- Ngày 04/6/2019, Cục THADS tỉnh QN (người có tài sản đấu giá) và Doanh nghiệp VA (tổ chức đấu giá tài sản) đã ký kết Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 03/CTHADS-ĐGVA. Theo đó, hai bên đã thỏa thuận về các nội dung: Thông tin về tài sản đấu giá; thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá; thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá; giá khởi điểm của tài sản đấu giá (đối với ô số 7+8 có giá khởi điểm là: 6.238.647 đồng); thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá; thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá (ngày 28/6/2019); hình thức đấu giá (trả giá từ thấp lên cao, bằng lời nói). Các nội dung trong Hợp đồng đã đảm bảo quy định tại Điều 33 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Sau khi ký kết hợp đồng dịch vụ nêu trên, Doanh nghiệp VAđã ban hành Quyết định số 12/QĐ-ĐG ngày 07/6/2019 về việc ban hành quy chế đấu giá, đã niêm yết việc đấu giá tài sản vào ngày 07/6/2019, đảm bảo thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Đã tiến hành bán hồ sơ tham gia đấu giá, có 20 người nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước, đảm bảo quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản. Như vậy, về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản là đúng theo quy định pháp luật. Do cuộc đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đối với Quyền sử dụng ô đất số 7 và ô số 8 nêu trên được thực hiện không đúng quy định Luật Đấu giá tài sản năm 2016 nên Chấp hành viên đã ban hành các văn bản đề nghị Doanh nghiệp VA tổ chức bán đấu giá lại theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Doanh nghiệp VA cho rằng mình đã tổ chức bán đấu giá tài sản đúng quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016, nên không tổ chức bán đấu giá lại theo đề nghị của Chấp hành viên.

Xét thấy, theo Biên bản đấu giá ngày 28/6/2019 thể hiện: Tại cuộc đấu giá đối với tài sản nêu trên có 14 người tham gia đấu giá. Ông Vũ Xuân T sau 01 lần trả giá, với mức giá khởi điểm 6.238.647.000 đồng, ông Tô Vĩnh D- đấu giá viên tuyên bố người tham gia đấu giá có số thẻ 010 là ông Vũ Xuân T là người trúng đấu giá đối với bất động sản ô số 07 và ô số 08.

Đối chiếu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 quy định: "*Đấu giá viên công bố người đã trả giá cao nhất là người trúng đấu giá sau khi nhắc lại 03 lần giá cao nhất đã trả và cao hơn giá khởi điểm mà không có người trả giá cao hơn*". Như vậy, ông Vũ Xuân T chỉ trả giá 01 lần, bằng giá khởi điểm, nhưng đã được đấu giá viên công bố trúng đấu giá là không đảm bảo theo quy định trên.

Hơn nữa, Điều 49 Luật Đấu giá năm 2016 quy định:

"1. Việc đấu giá tài sản trong trường hợp một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá chỉ được tiến hành sau khi tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành và được thực hiện như sau:

a)... hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá,... và ít nhất bằng giá khởi điểm ... nếu người có tài sản đấu giá đồng ý bằng văn bản.

3. Biên bản đấu giá ngoài nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 44 của Luật này còn phải thể hiện quá trình đấu giá chỉ có một người tham gia đấu giá hoặc chỉ có một người trả giá, chấp nhận giá hợp lệ; ý kiến đồng ý của người có tài sản đấu giá"

Như vậy, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 41, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 49 Luật đấu giá tài sản năm 2016 thấy rằng, cuộc đấu giá ngày 28/6/2019 đối với bất động sản ô số 07, ô số 08 là cuộc đấu giá lần đầu có 14 người tham gia đấu giá, nhưng chỉ có duy nhất 01 người là ông Vũ Xuân T có số thẻ 010 trả giá một lần và trả giá bằng đúng giá khởi điểm. Đấu giá viên ông Tô Vĩnh Dđã xác định 01 người trả giá duy nhất và bằng giá khởi điểm là người trúng đấu giá là trái nguyên tắc, quy định về đấu giá, vi phạm Điều 49 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Sau đó ông Trần Văn P - Chấp hành viên đã có văn bản không đồng ý với kết quả đấu giá và cho rằng cuộc đấu giá ngày 28/6/2019 sai nguyên tắc, không đúng quy định tại Điều 49 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (Ngày 15/10/2019, Chấp hành viên đã ra thông báo số 762/TB-CTHADS về việc không chấp nhận kết quả đấu giá tài sản thi hành án nêu trên). Bị đơn thì cho rằng, người có tài sản đấu giá không có văn bản đồng ý với kết quả đấu giá, là không đảm bảo với quy định của điều luật nêu trên là không có cơ sở. Bị đơn đưa ra căn cứ chứng minh cuộc đấu giá ngày 28/6/2019 không thuộc trường hợp đấu giá không thành quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản năm 2016, cuộc đấu giá được tiến hành đúng quy định tại khoản 8 Điều 5, không thuộc trường hợp hủy kết quả đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 72 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Tuy nhiên, căn cứ những phân tích, lập luận nêu trên và căn cứ vào Điều 59 Luật đấu giá tài sản năm 2016 quy định: "*Việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá quy định tại Điều 49 của Luật này*

không áp dụng đối với các tài sản sau đây: 2. Quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;"

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận quan điểm của bị đơn về việc cuộc đấu giá ngày 28/6/2019 là cuộc đấu giá thành.

Với những cơ sở chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định, tại cuộc đấu giá ngày 28/6/2019, Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá không đảm bảo quy định của Luật đấu giá nên kết quả đấu giá tài sản đối với bất động sản ô số 7 và ô số 8 không có căn cứ pháp luật để công nhận, cần phải hủy kết quả đấu giá. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy kết quả đấu giá tài sản đối với bất động sản ô số 7 và ô số 8 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm nhận định, kết luận, quyết định không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Với những nhận định và phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhận định, quyết định không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

[4.1] Đối với lý do kháng cáo bị đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết sai yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện, Đơn bổ sung và Đơn rút yêu cầu khởi kiện không có nội dung nào liên quan đến tranh chấp về kết quả đấu giá tài sản mà chỉ có yêu cầu hủy kết quả đấu giá tài sản nhưng cấp sơ thẩm thụ lý xác định là "tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản", vi phạm nghiêm trọng Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu hủy kết quả đấu giá tài sản và xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 13 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, không vi phạm Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, đúng với yêu cầu phạm vi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết theo đúng yêu

cầu của nguyên đơn và Tòa sơ thẩm giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[4.2] Đối với lý do kháng cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đúng quy định, liên quan đến việc giải quyết khiếu nại. Cụ thể, Tòa án cấp sơ thẩm ra các công văn yêu cầu cung cấp thông tin về nhân thân của bà Trần Thị Mai H và ông Bùi Duy P là không đúng với quy định gửi cho các cơ quan trong và ngoài tỉnh, đây là hành vi trái pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã giải quyết khiếu nại nhưng tài liệu giải quyết khiếu nại vẫn lưu trong hồ sơ vụ án là không đúng. Hành vi tố tụng này của Thẩm phán cấp sơ thẩm là vi phạm nghiệm trọng nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã bị đương sự khiếu nại và đã được giải quyết bằng Quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền đối với hành vi tố tụng của Thẩm phán. Và tài liệu giải quyết khiếu nại được lưu trong hồ sơ vụ án là đúng quy định.

[4.3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thành phần tham gia tố tụng không đúng quy định, cụ thể: xác định ông Tỗ Vĩnh D, ông Đoàn Văn R và bà Đỗ Thị Xuân G và Ngân hàng TMCP NTVN với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng, đồng thời lúc xác định là người làm chứng, lúc thì xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra việc xác định người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cũng không đúng, không có tài liệu thể hiện về việc ủy quyền của Giám đốc chi nhánh ngân hàng VCB HL. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thời hạn tống đạt một số văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự. Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng ông Tỗ Vĩnh D, ông Đoàn Văn R và bà Đỗ Thị Xuân G và Ngân hàng TMCP NTVN với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng VCB có người đại diện theo pháp luật là Ông Phạm QD - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng VCB đã có Giấy ủy quyền số 575 ngày 15/10/2021 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V - Giám đốc Ngân hàng VCB - Chi nhánh HL và ông Nguyễn Văn V đã ủy quyền lại cho ông Nguyễn QH và bà Nguyễn XL là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm về thời gian tống đạt các văn bản tố tụng là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[4.4] Bị đơn kháng cáo cho rằng tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện có rất nhiều tài liệu chứng cứ phát sinh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cho các đương sự tiếp cận công khai chứng cứ, không có biên bản cuộc họp tiếp cận công khai các chứng cứ mới là vi phạm Điều 208, 211, mất quyền của đương sự theo quy định tại khoản 8 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn không sao chụp các tài liệu cung cấp cho Tòa án cho bị đơn là vi phạm khoản 9 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên do bị đơn không có văn bản yêu cầu Tòa án được sao chụp nên không được hỗ trợ. Xét thấy các tài liệu đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá, đảm bảo khách quan, toàn diện, quá trình giải quyết vụ án các đương sự trong đó có bị đơn đã sao chụp tài liệu là đảm bảo quyền lợi.

[4.5] Tại trang 7 của bản án sơ thẩm nhầm lẫn ông R bà G và ông D là bị đơn. Đây là nhầm lẫn do lỗi chính tả của Tòa án sơ thẩm bởi lẽ xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại bản án sơ thẩm đều xác định ông R, bà G và ông D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4.6] Về xác định tư cách của bị đơn thì căn cứ vào khoản 3 Điều 185 Luật Doanh nghiệp thì phải xác định Chủ Doanh nghiệp tư nhân là bị đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không có bất cứ văn bản nào đề nghị yêu cầu nguyên đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện là không đúng với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án sơ thẩm xác định Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA, địa chỉ: Số 84, Phố VL, phường HG, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang N - Chủ Doanh nghiệp là bị đơn là chưa chính xác bởi lẽ:

Khoản 1 Điều 183 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định:

"Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp".

Khoản 2, 3 Điều 185 quy định:

"2. Chủ doanh nghiệp tư nhân có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Trường hợp thuê người khác làm Giám đốc quản lý doanh nghiệp thì vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp."

Theo quy định nêu trên thì Chủ doanh nghiệp tư nhân chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có bên tổ chức đấu giá tài sản là Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA có người đại diện là ông Tô Vĩnh D - chức vụ Giám đốc điều hành mà không phải là Chủ doanh nghiệp tư nhân thì Chủ doanh nghiệp tư nhân phải chịu trách nhiệm về hợp đồng này. Tại thời điểm xét xử Phúc thẩm ông Vũ Quang N vẫn đang là Chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA. Do đó, Tòa án cấp Phúc thẩm xác định bị đơn là Chủ doanh nghiệp tư nhân đấu giá tư nhân VA - ông Vũ Quang N. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn như trên không làm thay đổi bản chất cũng như không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn cho chính xác với các quy định của pháp luật.

[4.7] Lý do kháng cáo của bị đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm hỏi người làm chứng là ông Tạ QH và ông Đặng TH những nội dung không liên quan đến vụ án (bút lục 713, 718) với nội dung "ông có được Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA hoặc ai khác trả cho một khoản tiền nào khi từ bỏ việc đấu giá không?" là xúc phạm doanh nghiệp, vi phạm Điều 253 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thấy rằng nội dung Biên bản lấy lời khai của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa chuẩn xác cần rút kinh nhiệm bởi lẽ, việc hỏi người làm chứng chỉ hỏi những tình tiết của vụ án mà họ biết. Việc này Tòa án sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4.8] Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không đúng, không đánh giá khách quan các tình tiết trong vụ án, việc trích dẫn pháp luật không đầy đủ, áp dụng và trích dẫn điều luật sai, không đúng, cụ thể:

- Bản án sơ thẩm hủy kết quả đấu giá tài sản nhưng không căn cứ vào quy định tại Điều 72 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016; bản án sơ thẩm quyết định hủy kết quả đấu giá tài sản nhưng không căn cứ vào pháp luật đấu giá để giải quyết, không chỉ ra được bất cứ căn cứ nào để hủy kết quả đấu giá theo quy định tại Điều 72 Luật Đấu giá tài sản mà áp dụng điểm d khoản 2 Điều 41, Điều 49 Luật Đấu giá tài sản là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, áp dụng khoản 13 Điều 26 là quan hệ pháp luật tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản trong khi nguyên đơn khởi kiện là yêu cầu hủy kết quả đấu giá tài sản; áp dụng khoản 4 Điều 65 quy định về xét xử vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn là không đúng trong khi đây là vụ án được thụ lý xét xử theo thủ tục thông thường và Điều 65 cũng không có khoản 4; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự về

nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm thì khoản 4 Điều 147 quy định về nghĩa vụ chịu án phí trong vụ án ly hôn. Ngoài ra, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 102 Luật Thi hành án dân sự về quyền khởi kiện về yêu cầu giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản là không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: đối với phạm vi giải quyết vụ án, việc thụ lý giải quyết vụ án và nhận định đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn cho rằng không khách quan ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn đã được Hội đồng xét xử phân tích nêu trên là không có căn cứ chấp nhận và Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết đúng phạm vi khởi kiện và chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

- Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 65 Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng vì Điều 65 quy định về xét xử vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn và Điều 65 cũng không có khoản 4. Đồng thời, bản án sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm thì khoản 4 Điều 147 quy định về nghĩa vụ chịu án phí trong vụ án ly hôn là không đúng. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội là đúng. Ngoài ra, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: tại Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung: *(1)* Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 đối với tài sản là: Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7+ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị xã CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G; *(2)* Hủy một phần Hợp đồng đấu giá tài sản thi hành án ký ngày 04/6/2019 giữa Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN và Doanh nghiệp dấu giá tư nhân VA liên quan đến tài sản trên; ***(3)*** Yêu cầu Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA hoàn trả lại thù lao đấu giá tài sản đối với tài sản nêu trên cho Cục THADS tỉnh QN với số tiền là 27.489.110 đồng; tuyên Cục THADS tỉnh QN hoàn trả cho ông Vũ Xuân T số tiền đặt trước là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh gửi ngân hàng. Tuy nhiên, tại Đơn xin đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/9/2022 (bút lục 988), nguyên đơn đã rút yêu cầu *(2)* và *(3)*. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu *(2)* và *(3)* là có căn

cứ, đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm trong phần quyết định không áp dụng điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn rút là thiếu sót, Do đó, cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm về phần áp dụng điều luật như trên cho đúng quy định.

- Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 102 Luật Thi hành án dân sự quy định *"Chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản"* là đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm phần quyết định không tuyên về quyền, nghĩa vụ của người thi hành án, người phải thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Với những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là có căn cứ chấp nhận nhưng những vi phạm này không nghiêm trọng và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, khắc phục thiếu sót của cấp sơ thẩm.

Do đó, Hội đồng xét xử Phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Mai H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chủ Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA - ông Vũ Quang N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ:

- Khoản 13 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 148; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271, 273, 278 và Điều 280, khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 102 Luật Thi hành án dân sự;

- Điểm d khoản 2 Điều 41; Điều 49 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

- Điểm b khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn P - Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN.

2. Hủy kết quả đấu giá tài sản ngày 28/6/2019 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA, đối với tài sản đấu giá là Quyền sử dụng 600m^2 đất và nhà kho xây tường gạch khung thép, mái lợp tôn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 7 + Ô số 8, lô A17, khu đô thị mới DT, phường CB, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 522376 và AK 522377 do UBND thị xã CP cấp ngày 25/3/2008, số vào sổ cấp GCN: H142 và H143 mang tên bà Đỗ Thị Xuân G.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu *(1)* Hủy một phần Hợp đồng đấu giá tài sản thi hành án ký ngày 04/6/2019 giữa Chấp hành viên Cục THADS tỉnh QN và Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA liên quan đến tài sản trên; *(2)* Yêu cầu Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA hoàn trả lại thù lao đấu giá tài sản đối với tài sản nêu trên cho Cục THADS tỉnh QN với số tiền là 27.489.110 đồng; tuyên Cục THADS tỉnh QN hoàn trả cho ông Vũ Xuân T số tiền đặt trước là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh gửi Ngân hàng.

4. Về án phí:

Chủ Doanh nghiệp đấu giá tư nhân VA - ông Vũ Quang N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ đi 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001234 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. (bị đơn đã nộp đủ án phí).

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thanh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND TP Hạ Long;
- CCTHADS TP Hạ Long;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.